

NGHỊ QUYẾT

**Về việc ban hành Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ
và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số
43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi
hành luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của
Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Xét Tờ trình số 346/TTr-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức
hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng
Trị; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến
thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi,
định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh
Quảng Trị.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cụ thể nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và
việc sử dụng kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo quy
định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP quy định chi tiết về
đất trồng lúa.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước; người sử dụng đất trồng lúa và các đối tượng khác có
liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ

1. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Ưu tiên hỗ trợ trực tiếp cho người sử dụng đất trồng lúa và địa phương quản lý đất trồng lúa.

b) Trường hợp có cùng chính sách hỗ trợ được địa phương quy định thì được hưởng chính sách cao nhất.

2. Phạm vi hỗ trợ

a) Các địa phương sản xuất lúa với đất chuyên trồng lúa; đất trồng lúa còn lại (trừ đất lúa nương được mở rộng tự phát không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa) và đất chuyên trồng lúa tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao.

b) Các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao, thuê hoặc cấp đất trồng lúa sản xuất ổn định, trực tiếp tham gia sản xuất.

c) Cơ quan nhà nước liên quan đến việc quản lý đất trồng lúa.

3. Định mức hỗ trợ

a) Sử dụng 95% kinh phí trung ương hỗ trợ tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP hỗ trợ cho các xã, phường để thực hiện bảo vệ đất trồng lúa theo định mức: 1.425.000 đồng/ha/năm đối với đất chuyên trồng lúa; 712.500 đồng/ha/năm đối với đất trồng lúa còn lại (trừ đất lúa nương được mở rộng tự phát không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa) và hỗ trợ thêm 1.425.000 đồng/ha/năm đối với đất chuyên trồng lúa tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao;

b) Sử dụng 5% kinh phí trung ương hỗ trợ tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP để bố trí cho các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ.

c) Đối với nguồn kinh phí do người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa: Giao Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi phân bổ cụ thể để bổ sung có mục tiêu cho các xã, phường và các cơ quan liên quan theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

4. Sử dụng kinh phí hỗ trợ

a) Các xã, phường sử dụng không thấp hơn 50% kinh phí được phân bổ tại điểm a, điểm c, khoản 3 Điều này để hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa: Sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn,

liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Kinh phí còn lại thực hiện các hoạt động cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa và sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã, phường;

b) Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh sử dụng kinh phí tại điểm b, điểm c, khoản 3 Điều này để thực hiện nhiệm vụ đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 05 năm/lần; xây dựng các mô hình điểm trình diễn về ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong sản xuất lúa (giống mới, quy trình sản xuất, công nghệ mới) làm cơ sở chuyên giao cho các địa phương triển khai nhân rộng và hỗ trợ mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 02 năm 2026.

Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 83/2024/NQ-HĐND ngày ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình ban hành quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

b) Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) ban hành quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 03 tháng 02 năm 2026.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Vụ pháp chế (Bộ Tài chính);
- Cục Kiểm tra VB và QLXLVPHC- Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể đơn vị cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PT-TH Quảng Trị;
- Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, P.CTHĐND (L)



Nguyễn Đăng Quang